TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST Ngày 18-5-2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bấm

Bà Hà Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 536/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 314/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn N; cư trú tại: Tổ 24 cụm 4 phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị L; cư trú tại: Tổ 24 cụm 4 phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày:

Anh và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng ngày 09/12/2011. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng xảy ra xô sát cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống và kinh tế riêng biệt. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là Trần Hải N, sinh ngày 04/10/2012. Anh chị thỏa thuận giao con cho chị L nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn chị Phạm Thị L trình bày tại bản tự khai như sau:

Chị và anh Trần Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, quận N, Hải Phòng ngày 09/12/2011. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng xảy ra xô sát cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống và kinh tế riêng biệt. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là Trần Hải N, sinh ngày 04/10/2012. Anh chị thỏa thuận giao con cho chị nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải 03 lần. Tại các phiên hoà giải chị L đều vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, anh Trần Văn N giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng phát biểu

quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn N được ly hôn chị Phạm Thị L. Về việc nuôi con: Giao con chung Trần Hải N, sinh ngày 04/10/2012 cho chị L nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về việc chia tài sản: Anh N và chị L không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết. Về án phí: Anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chị Phạm Thị L cư trú trên địa bàn quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Tòa án thụ lý việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên hòa giải cho chị L nhưng tại phiên hòa giải chị L vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự.

[3] Ngày 11 tháng 4 năm 2018, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2018/QĐXXST-HNGĐ và đã tống đạt hợp lệ quyết định trên cho chị L nhưng tại phiên toà ngày 02/5/2018 chị L vắng mặt lần thứ nhất, không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên toà số 314/2018/QĐST-HNGĐ trong đó ấn định phiên tòa được mở lại vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 18/5/2018. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho chị L. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Phạm Thị L tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[4] Anh Trần Văn N và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam. Anh chị đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng ngày 09/12/2011. Vì vậy, hôn nhân giữa anh N và chị L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống và kinh tế riêng biệt. Toà án đã tiến hành hoà giải 03 lần nhưng chị L đều vắng mặt thể hiện chị không thiện chí kết hợp với Toà án để hoà giải việc đoàn tụ gia đình.

[5] Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xô sát cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng. Quan điểm của địa phương xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được đề nghị Toà án giải quyết cho anh N được ly hôn chị L. Anh N xin ly hôn, chị L đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa anh Nguyên và chị Liên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N đối với chị L.

+ Về việc nuôi con:

[6] Anh Trần Văn N và chị Phạm Thị L có một con chung là Trần Hải N, sinh ngày 04/10/2012. Ly hôn chị L đề nghị được nuôi con, anh N đồng ý giao con cho chị L nuôi. Xét thỏa thuận trên là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của anh N và chị L. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[7] Anh Trần Văn N và chị Phạm Thị L không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

[8] Anh Trần Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn N được ly hôn chị Phạm Thị L.

- Về việc nuôi con: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Trần Văn N và chị Phạm Thị L: Giao con chung Trần Hải N, sinh ngày 04/10/2012 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về việc chia tài sản: Anh Trần Văn N và chị Phạm Thị L không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011887 ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng. Anh Trần Văn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Trần Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Phạm Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hương